

Hà nội, ngày 6 tháng 4 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019
VÀ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020**
(Trình ĐHCĐ thảo luận và biểu quyết)

- Căn cứ Điều lệ tổ chức của Công ty CP Quảng cáo và Hội chợ Thương Mại Vinexad
- Căn cứ "Báo cáo Kiểm toán về Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty CP Quảng cáo và Hội chợ Thương Mại Vinexad" số: 163 /BCKT/TC/NV5 ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm Định Giá Việt Nam
- Căn cứ Nghị quyết HĐQT Công ty ngày 6 tháng 3 năm 2020 và NQ Hội nghị bất thường của HĐQT Công ty ngày 26/03/2020 nhất trí với báo cáo kết quả kinh doanh năm 2019, kế hoạch kinh doanh năm 2020 loại hình kinh doanh của Công ty bị thiệt nặng nề trong tình hình dịch bệnh Covid 19 đang diễn biến phức tạp, không thể dự đoán thời điểm kết thúc vì vậy chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh sẽ phải dự báo trong nhiều phương án.

Sau đây là Bảng báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2020 trình ĐHCĐ cho ý kiến biểu quyết tại Đại hội:

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2019

(Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán tải trên Website: www.vinexad.com.vn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ Tiêu	Kế hoạch 2019 (Nghị quyết ĐHCĐ)	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ đạt so với NQQ ĐHCĐ (%)	Tỷ lệ so với 2018 (%)
1	Vốn Điều lệ	12.249	12.249		
2	Doanh thu	155.000	213.490	138%	129%
3	Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.000	37.774	145%	125%
4	Lợi nhuận trước thuế	12.000	20.056	167%	128%
5	Thuế TNDN	2.400	4.097	171%	132%
6	Lợi nhuận sau thuế	9.600	15.959	166%	128%
7	Tỷ suất lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ/Doanh thu (%)	16,7%	17,7%	Tăng 1%	Giảm 0,6%
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	78,3%	130,3%	tăng 52%	Tăng 28,6%
9	Cổ tức (%):	30%	70%	Tăng 40%	Tăng 20%
10	Quỹ tiền lương	12.870	17.845		
11	Thu nhập bình quân	16,5	23,2	141%	132%
12	Chi phí HĐQT và Ban KS (Ngoài thù lao)		36		

B. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, CHIA CỔ TỨC NĂM 2019*Các chỉ tiêu cơ bản đã được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
1	Lợi nhuận trước thuế	20.056	
2	Thuế TNDN	4.097	
3	Lợi nhuận sau thuế để phân phối	15.959	
a	Nộp thuế TNDN truy thu	8	
b	Thưởng điều hành TGD (2% LN sau thuế sau khi trừ thuế TNDN truy thu)	319	
4	Lợi nhuận còn lại để phân phối các quỹ và chia cổ tức $4 = 3 - (a+b)$	15.632	
a	Quỹ khen thưởng, phúc lợi = $(4-5) \times 80\%$	5.646,4	
b	Quỹ Đầu tư phát triển = $(4-5) \times 20\%$	1.411,6	
5	Chia cổ tức: dự kiến trình ĐHCĐ: 70%	8.574	KH: 30%

C. THÙ LAO CỦA HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019**1. Thù lao Hội đồng Quản trị: 6% (Tổng LN sau thuế sau khi trừ thuế TNDN truy thu)***Đơn vị tính: đồng*

TT	Họ tên	Chức danh	Hệ số	Tổng thù lao 6% LSNT	Ghi chú
1	Ô. Nguyễn Khắc Luận	Chủ tịch HĐQT			
2	Ô. Phạm Quỳnh Giang	PCT. HĐQT			
3	Ô. Trịnh Xuân Tuấn	TV. HĐQT			
4	Ô. Đinh Văn Khải	TV. HĐQT			
5	B. Nguyễn Thu Hồng	TV. HĐQT			
	Tổng cộng:			957.050.000	

2. Thù lao Ban kiểm soát (1,8%/ Tổng LN sau thuế sau khi trừ thuế TNDN truy thu)*Đơn vị tính: đồng*

TT	Họ tên	Chức danh	Hệ số	Tổng thù lao 1,8% LSNT	Ghi chú
1	Ô. Vũ Đăng Khoa	Trưởng Ban KS			
2	B. Huỳnh Thị Thúy Nga	TV. BKS			
3	B. Huỳnh Thị Ngọc Châu	TV. BKS			
	Tổng cộng:			287.115.000	

D. LƯƠNG TỔNG GIÁM ĐỐC & NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY 2019:

1. Lương Tổng Giám đốc Công ty: (lương thực lĩnh sau khi trừ thuế TNCN)

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ tên	Chức Danh	Lương 2019	Ghi chú
1	Ô. Nguyễn Khắc Luận	Tổng giám đốc	630.068.000	Bao gồm cả tiền thưởng hoàn thành vượt mức KHKD được ĐHĐCĐ thông qua
	Tổng cộng:		630.068.000	

2. Lương người quản lý Công ty: (lương thực lĩnh sau khi trừ thuế TNCN)

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ tên	Chức Danh	Lương 2019	Ghi chú
1	B. Nguyễn Thu Hồng	P. Tổng GD	408.426.000	
2	Ô. Đinh Văn Khải	P. Tổng GD	363.480.000	
3	Ô. Phạm Đăng Khánh	P. Tổng GD	381.746.000	
4	Ô. Trịnh Xuân Tuấn	P. Tổng GD	165.867.000	Nghỉ chế độ từ tháng 5/2019
5	B. Nguyễn Tuyết Mai	Kế toán trưởng	340.756.000	
	Tổng cộng:		1.660.275.000	

E. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SẢN SUẤT KINH DOANH NĂM 2020 (DỰ KIẾN)

1. Phương án 1:

Nếu tình hình dịch bệnh Covid 19 có xu hướng giảm dần trong quý I năm 2020 và tổ chức y tế thế giới (WHO) công bố hết dịch trong tháng 4 năm 2020

(Đơn vị tính : triệu đồng)

STT	Chỉ Tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020
1	Doanh thu	213.490	180.000
2	Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	37.774	33.000
3	Lợi nhuận trước thuế	20.056	13.000
4	Lợi nhuận sau thuế	15.959	10.400
5	Tỷ suất Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ/Doanh thu	17,6%	18,3%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn Điều lệ (%)	130,3%	84,9%
7	Cổ tức	70%	40%
8	Thu nhập bình quân	23,2	18,5
9	Vốn Điều lệ	12.249	12.249
10	Quỹ tiền lương	17.845	14.208
11	Thưởng TGĐ điều hành 2%/Tổng LN sau thuế (Nếu vượt KH từ 10%), thưởng 1,5% nếu đạt KH	319	208
12	Thù lao HĐQT 6%/Tổng LN sau thuế	957	624
13	Thù lao Ban kiểm soát 1,8%/Tổng LN sau thuế	287	187,2

2. Phương án 2:

Nếu tình hình dịch bệnh Covid 19 giảm dần và tổ chức y tế thế giới (WHO) công bố hết dịch trong tháng 6 năm 2020

(Đơn vị tính : triệu đồng)

STT	Chỉ Tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020
1	Doanh thu	213.490	90.000
2	Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	37.774	16.500
3	Lợi nhuận trước thuế	20.056	5.000
4	Lợi nhuận sau thuế	15.959	4.000
5	Tỷ suất Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ/Doanh thu	17,6%	
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn Điều lệ (%)	130,3%	
7	Cổ tức	70%	10%
8	Thu nhập bình quân	23,2	9
9	Vốn Điều lệ	12.249	12.249
10	Quỹ tiền lương	17.845	6.696
11	Thưởng TGD điều hành 2%/Tổng LN sau thuế (Nếu vượt KH từ 10%), thưởng 1,5% nếu đạt KH	319	HĐQT xem xét cụ thể B/cáo cổ đông
12	Thù lao HĐQT 6%/Tổng LN sau thuế	957	HĐQT xem xét cụ thể B/cáo cổ đông
13	Thù lao Ban kiểm soát 1,8%/Tổng LN sau thuế	287	HĐQT xem xét cụ thể B/cáo cổ đông

3. Phương án 3:

Nếu tổ chức y tế thế giới (WHO) công bố hết dịch thời gian hết quý 3 năm 2020

(Đơn vị tính : triệu đồng)

STT	Chỉ Tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020
1	Doanh thu	213.490	16.000
2	Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	37.774	4.000
3	Lợi nhuận trước thuế	20.056	-4.520
4	Lợi nhuận sau thuế	15.959	
5	Tỷ suất Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ/Doanh thu	17,6%	
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn Điều lệ (%)	130,3%	
7	Cổ tức	70%	
8	Thu nhập bình quân	23,2	5
9	Vốn Điều lệ	12.249	12.249
10	Quỹ tiền lương	17.845	3.720
11	Thưởng TGD điều hành 2%/Tổng LN sau thuế (Nếu vượt KH từ 10%), thưởng 1,5% nếu đạt KH	319	HĐQT xem xét cụ thể B/cáo cổ đông

12	Thù lao HĐQT 6%/Tổng LN sau thuế	957	HĐQT xem xét cụ thể B/cáo cổ đông
13	Thù lao Ban kiểm soát 1,8%/Tổng LN sau thuế	287	HĐQT xem xét cụ thể B/cáo cổ đông

F. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2020

1. Phân phối lợi nhuận theo phương án 1:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
1	Tổng lợi nhuận theo kế hoạch	Triệu đồng	13.000
2	Thuế TNDN phải nộp nhà nước (20%)	Triệu đồng	2.600
3	Phần lợi nhuận còn lại để phân phối	Triệu đồng	10.400
4	Thưởng TGD điều hành (2%/Tổng LN sau thuế nếu vượt KH từ 10%, thưởng 1,5% nếu đạt KH)	Triệu đồng	208
5	Lợi nhuận còn lại để phân phối các quỹ & chia cổ tức (5= 3-4)	Triệu đồng	10.192
6	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Triệu đồng	2.646,5
7	Quỹ đầu tư phát triển	Triệu đồng	2.646,5
8	Chi cổ tức 2020: 40%	Triệu đồng	4.899

2. Phân phối lợi nhuận theo phương án 2:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
1	Tổng lợi nhuận theo kế hoạch	Triệu đồng	5.000
2	Thuế TNDN phải nộp nhà nước (20%)	Triệu đồng	1.000
3	Phần lợi nhuận còn lại để phân phối	Triệu đồng	4.000
4	Thưởng TGD điều hành (2%/Tổng LN sau thuế nếu vượt KH từ 10%, thưởng 1,5% nếu đạt KH)	Triệu đồng	HĐQT xem xét cụ thể B/cáo cổ đông
5	Lợi nhuận còn lại để phân phối các quỹ & chia cổ tức (5= 3-4)	Triệu đồng	4.000
6	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Triệu đồng	HĐQT xem xét cụ thể B/cáo cổ đông
7	Quỹ đầu tư phát triển	Triệu đồng	HĐQT xem xét cụ thể B/cáo cổ đông
8	Chi cổ tức 2020: 10%	Triệu đồng	1.225

* Phương án chi trả cổ tức năm 2020

- Thanh toán cổ tức một đợt sau ĐHCĐ thường niên thông qua nghị quyết trả cổ tức.

G. DỰ KIẾN MỨC THÙ LAO CỦA HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

I. Thù lao HĐQT & Ban kiểm soát theo phương án 1:

1. Thù lao HĐQT: (6% LN sau thuế)

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ tên	Chức danh	Hệ số	Tổng thù lao 6% LSNT	Ghi chú
1	Ô. Nguyễn Khắc Luận	Chủ tịch HĐQT			
2	Ô. Phạm Quỳnh Giang	PCT. HĐQT			
3	Ô. Trịnh Xuân Tuấn	TV. HĐQT			
4	Ô. Đinh Văn Khải	TV. HĐQT			
5	B. Nguyễn Thu Hồng	TV. HĐQT			
	Tổng cộng:			624.000.000	

2. Thù lao Ban kiểm soát: (1,8% LN sau thuế)

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ tên	Chức danh	Hệ số	Tổng thù lao 1,8% LSNT	Ghi chú
1	Ô. Vũ Đăng Khoa	Trưởng Ban KS			
2	B. Huỳnh Thị Thúy Nga	TV. BKS			
3	B. Huỳnh Thị Ngọc Châu	TV. BKS			
	Tổng cộng:			187.200.000	

II. Thù lao HĐQT & Ban kiểm soát theo phương án 2 +3:

HĐQT xem xét cụ thể, báo cáo cổ đông

Nơi gửi:

- Cổ đông Cty Vinexad
- HĐQT Công ty Vinexad
- Lưu TC, QTNS



T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
Nguyễn Khắc Luận